

A. CẤU TRÚC ĐỀ

Phần 1: Đọc hiểu (4,0 điểm/5 câu), gồm:

- + Nhận biết: 2 câu (0,75điểm/câu)
- + Thông hiểu: 2 câu (0,75điểm/câu)
- + Vận dụng: 1 câu (1,0 điểm)

Phần 2: Viết (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm):

- Viết đoạn văn nghị luận (*khoảng 200 chữ*):
- + Về một vấn đề trong văn bản đọc hiểu
- + Về một vấn đề xã hội

Câu 2 (4,0 điểm): Viết bài văn nghị luận khoảng (*600 chữ*):

- + Phân tích, đánh giá chủ đề và những nét đặc sắc về nghệ thuật của đoạn trích/tác phẩm sử thi/ tuồng chèo
- + Viết bài văn nghị luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm.

Thời gian làm bài: 90 phút

B. NỘI DUNG ÔN TẬP

I. Đọc hiểu

1. Ngữ liệu

- Sử thi
- Kịch bản văn học (tuồng, chèo).
- Tiếng Việt: Từ Hán Việt; sử dụng trích dẫn, cước chú và cách đánh dấu phần bị tỉnh lược trong văn bản; lỗi về mạch lạc và liên kết đoạn văn, văn bản.
- Truyện kể
- Thơ
- Văn bản nghị luận

(Tổng độ dài các ngữ liệu sử dụng trong đề không vượt quá 1300 chữ)

2. Các dạng câu hỏi đọc hiểu

a. Truyện (thần thoại, truyền kỳ, truyện ngắn hiện đại)

Nhận biết:

- Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu trong văn bản.
- Nhận biết được ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện; sự thay đổi ngôi kể trong một văn bản.
- Nhận biết được tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện ngắn.
- Xác định được hệ thống nhân vật, kết cấu, các thủ pháp nghệ thuật...

Thông hiểu:

- Tóm tắt được cốt truyện.

- Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.
- Hiểu và nêu được tình cảm, cảm xúc, thái độ của người kể chuyện thông qua ngôn ngữ, giọng điệu kể và cách kể.
- Nêu được tác dụng của việc thay đổi người kể chuyện (người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba) trong một truyện kể.
- Phân tích được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời của người kể chuyện và/ hoặc lời của các nhân vật khác.
- Giải thích được ý nghĩa, hiệu quả nghệ thuật của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu câu và biện pháp tu từ; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.

Vận dụng:

- Thể hiện được thái độ đồng tình/ không đồng tình/ đồng tình một phần với những vấn đề đặt ra trong tác phẩm.
- Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong tác phẩm.

b. Thơ

Nhận biết:

- Nhận biết được thể thơ.
- Nhận biết được nhân vật trữ tình, chủ thể trữ tình trong bài thơ.
- Nhận biết được những hình ảnh, từ ngữ đặc sắc; vần, nhịp, đối trong bài thơ/ đoạn thơ.

Thông hiểu:

- Lí giải được vai trò của những chi tiết quan trọng, hình tượng trung tâm của bài thơ.
- Phân tích, lí giải được mạch cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của bài thơ.
- Nêu được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của bài thơ; phân tích được sự phù hợp giữa chủ đề, tư tưởng, cảm hứng chủ đạo trong bài thơ.
- Hiểu và lí giải được vai trò, tác dụng của hình ảnh, biểu tượng, vần thơ, nhịp điệu, nhạc điệu, đối, thi luật trong bài thơ.
- Phát hiện và lí giải được các giá trị nhận thức, giáo dục, thẩm mỹ; giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh trong bài thơ.
- Phân tích tác dụng của biện pháp tu từ, trật tự từ trong một bài thơ/ đoạn thơ.

Vận dụng:

- Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và kiến thức văn học để đánh giá văn bản thơ, thể hiện được cảm xúc, suy nghĩ của cá nhân về tác phẩm.
- Vận dụng những hiểu biết về lịch sử, văn hóa để lí giải quan điểm của tác giả thể hiện trong văn bản thơ.
- Đánh giá được khả năng tác động của tác phẩm văn học đối với người đọc và tiến bộ xã hội theo quan điểm cá nhân.

c. Văn nghị luận

Nhận biết:

- Nhận biết nội dung của luận đề.
- Nhận biết được hệ thống luận điểm, luận cứ, dẫn chứng trong văn bản nghị luận.
- Nhận biết các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận, các biện pháp tu từ...
- Nhận biết được mục đích, quan điểm của người viết.

Thông hiểu:

- Xác định được ý nghĩa của văn bản.
- Chỉ ra được mối liên hệ giữa các luận điểm, lí lẽ, dẫn chứng và mối liên hệ giữa chúng trong việc thể hiện nội dung văn bản.
- Phân tích được các biện pháp nghệ thuật trong văn bản nghị luận và đánh giá hiệu quả của việc sử dụng các biện pháp nghệ thuật này.
- Phân tích được cách lập luận trong văn bản nghị luận để đạt được mục đích.

Vận dụng:

- Rút ra bài học từ văn bản; thể hiện quan điểm đồng tình hoặc không đồng tình với những vấn đề đặt ra trong văn bản.
- Thể hiện được quan điểm riêng trong tiếp nhận, đánh giá văn bản.

d. Sân khấu dân gian**Nhận biết:**

- Xác định được phương thức biểu đạt, thể loại của văn bản/đoạn trích.
- Xác định được các yếu tố thuộc về đặc trưng thể loại chèo/ tuồng như: đề tài, tính vô danh, tích truyện, nhân vật, lời thoại, phương thức lưu truyền.

Thông hiểu:

- Hiểu được đặc sắc về nội dung, ý nghĩa của văn bản/đoạn trích: chủ đề, tư tưởng, ý nghĩa của hình tượng nhân vật, ý nghĩa của sự việc chi tiết tiêu biểu, thông điệp của văn bản.
- Hiểu và phân tích, đánh giá được những đặc sắc về nghệ thuật của văn bản/ đoạn trích: đề tài, nhân vật, ngôn ngữ...
- Hiểu được một số đặc trưng của từng tiểu loại được thể hiện trong văn bản/ đoạn trích.

Vận dụng:

- Nhận xét giá trị của các yếu tố nội dung, hình thức trong văn bản.
- Rút ra được thông điệp, bài học cho bản thân

e. Sử thi**Nhận biết:**

- Nhận biết các yếu tố thuộc về đặc trưng thể loại sử thi: không gian, thời gian, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật.
- Chỉ ra thông tin trong văn bản/đoạn trích.

Thông hiểu:

- Biết nhận xét nội dung bao quát của văn bản.
- Hiểu và phân tích được đặc sắc về nội dung, ý nghĩa của văn bản: chủ đề, tư tưởng, ý nghĩa của hình tượng nhân vật, ý nghĩa của sự việc chi tiết tiêu biểu, thông điệp của văn bản.
- Hiểu và phân tích, đánh giá được đặc sắc về nghệ thuật của văn bản/ đoạn trích: Trần thuật, xây dựng nhân vật; ngôn ngữ; giá trị các biện pháp tu từ; các sự việc; chi tiết tiêu biểu; nhân vật; lời của người kể chuyện và lời nhân vật; không gian, thời gian nghệ thuật... và mối quan hệ giữa chúng.
- Ý nghĩa của tác phẩm đối với người đọc.

Vận dụng:

- Đánh giá giá trị của văn bản.

- Liên hệ, so sánh, rút ra một số điểm gần gũi về nội dung giữa các tác phẩm VH thuộc hai nền văn hoá khác nhau.

II. Viết

1. Viết đoạn văn nghị luận về một vấn đề đặt ra trong VB đọc hiểu hoặc viết đoạn Nghị luận về một vấn đề xã hội (khoảng 200 chữ)

Nhận biết:

- Xác định được vấn đề cần nghị luận.
- Đảm bảo cấu trúc của đoạn văn và chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.

Thông hiểu:

- Biết cách triển khai vấn đề một cách hợp lí.
- Biết cách nêu quan điểm cá nhân về vấn đề.
- Biết cách sử dụng các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục.

Vận dụng:

- Biết so sánh, liên hệ, kết nối để làm nổi bật ý nghĩa của vấn đề nghị luận.
- Vận dụng hiệu quả những kiến thức tiếng Việt để tăng tính thuyết phục, sức hấp dẫn cho đoạn văn.

2. Bài văn nghị luận về tác phẩm truyện, thơ (khoảng 600 chữ)

Nhận biết:

- Xác định được vấn đề cần nghị luận.
- Đảm bảo bố cục 3 phần của bài văn; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.

Thông hiểu:

- Biết cách triển khai các ý để làm nổi bật vấn đề nghị luận.
- Biết bám sát đặc trưng thể loại để phân tích, làm nổi bật giá trị của tác phẩm/đoạn trích.
- Biết phối hợp các thao tác lập luận để phân tích, làm sáng tỏ vấn đề.

Vận dụng:

- Đánh giá, nhận xét giá trị của văn bản/đoạn trích.
- Liên hệ, so sánh với các tác phẩm khác để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận; vận dụng kiến thức lí luận văn học để có những phát hiện sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.
- Đánh giá được vai trò, ý nghĩa của thông điệp trong văn bản đối với cuộc sống, xã hội hiện tại.

3. Viết bài văn nghị luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm (khoảng 600 chữ).

Nhận biết:

- Xác định được vấn đề cần nghị luận
- Đảm bảo bố cục ba phần của bài văn.

Thông hiểu:

- Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp.
- Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm.
- Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt

Vận dụng:

- Biết liên hệ, vận dụng kiến thức một cách phù hợp để làm nổi bật vấn đề

- Nêu được những bài học, những đề xuất rút ra từ vấn đề bàn luận.
- Vận dụng hiệu quả những kiến thức Tiếng Việt đã học để tăng tính thuyết phục, sức hấp dẫn cho bài viết.

C. KỸ NĂNG LÀM BÀI

1. Nắm vững kỹ năng làm văn: Phân tích đề, lập dàn ý bài văn nghị luận.
2. Vận dụng linh hoạt các thao tác lập luận và kỹ năng viết bài văn nghị luận để viết một bài văn nghị luận có bố cục chặt chẽ, logic, diễn đạt rõ ràng, mạch lạc, giàu cảm xúc.

D. ĐỀ MINH HỌA (Xem đề tham khảo lần 1 của Bộ GD&ĐT năm 2025. Áp dụng phù hợp trong khoảng thời gian 90 phút)

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau

MÙA HẠ

Thực hiện yêu cầu từ câu số 1 đến câu số 5:

(1) Đó là mùa của những tiếng chim reo
Trời xanh biếc, nắng tràn lên khắp ngả
Đất thành cây, mật trào lên vị quả
Bước chân người bỗng mở những đường đi

(2) Đó là mùa không thể giấu che
Cả vạn vật đều phơi trần dưới nắng
Biển xanh thẳm, cánh buồm lồng lộng trắng
Từ những miền cay đắng hóa thành thơ.

(3) Đó là mùa của những ước mơ
Những dự vọng muôn đời không kể xiết
Gió bão hòa, mưa thành sông thành bể
Một thoáng nhìn có thể hóa tình yêu

(4) Đó là mùa của những buổi chiều
Cánh diều giấy nghiêng vòm trời cao
vút
Tiếng dế thức suốt đêm dài oi bức
Tiếng cuốc dồn thúc giục nắng đang
trưa

(5) Mùa hạ của tôi, mùa hạ đã đi chưa
Ôi tuổi trẻ bao khát khao còn, hết
Mà mặt đất màu xanh là vẫn biển
Quả ngọt ngào thắm thiết vẫn màu hoa.
(Xuân Quỳnh, *Thơ Xuân*
Quỳnh, NXB Văn học, 2016, tr. 34)

Câu 1: Xác định thể thơ của văn bản trên.

Câu 2: Liệt kê những âm thanh của loài vật được nói đến trong bài thơ.

Câu 3: Chỉ ra và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ liệt kê trong khổ thơ (1):

(1) Đó là mùa của những tiếng chim reo
Trời xanh biếc, nắng tràn lên khắp ngả
Đất thành cây, mật trào lên vị quả
Bước chân người bỗng mở những đường đi

Câu 4: Điệp khúc *Đó là mùa...* ở đầu các khổ thơ (1), (2), (3), (4) có ý nghĩa gì?

Câu 5: Qua bài thơ *Mùa hạ* của Xuân Quỳnh, anh/chị hãy nêu một thông điệp có ý nghĩa nhất và giải thích lý do vì sao chọn thông điệp đó.

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Anh/chị hãy viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) cảm nhận về một vẻ đẹp bức tranh mùa hạ trong khổ thơ đầu bài thơ *Mùa hạ* của tác giả Xuân Quỳnh.

Câu 2. (4,0 điểm)

Có thể chấp nhận thất bại nhưng nhất định không được chấp nhận buông xuôi.

Anh/chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) bàn về cách ứng xử đúng đắn khi đối diện với thất bại của những người trẻ tuổi.

-----Hết-----

- Học sinh không được sử dụng tài liệu.
- Giám thị không giải thích gì thêm.

Đáp án:

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	Câu 1	- Văn bản trên được viết theo thể thơ: Tự do	0,75
	Câu 2	- Khổ (4) trong văn bản thơ miêu tả những âm thanh: tiếng chim reo, tiếng dế và tiếng cuốc.	0,75
	Câu 3	Chỉ ra và phân tích hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ liệt kê trong khổ thơ (1): - Biện pháp tu từ: liệt kê (<i>tiếng chim reo, trời xanh biếc, nắng tràn khắp ngả, đất thành cây, mặt trào lên vị quả</i>) - Tác dụng: + Về nghệ thuật: tăng tính biểu cảm, hấp dẫn, sinh động cho câu thơ + Về nội dung: cho thấy mùa hè đến với âm thanh rộn rã, màu sắc rực rỡ, tràn ngập hương vị ngọt ngào và căng tràn nhựa sống. - <i>Hướng dẫn chấm:</i> + <i>Xác định đúng biện pháp tu từ được 0,5 điểm</i> + <i>Nêu được đầy đủ hiệu quả nội dung và nghệ thuật được 0,5 điểm, chỉ nêu được hiệu quả nghệ thuật được 0,25 điểm</i>	0,75
	Câu 4	- Nhận xét ý nghĩa của điệp khúc <i>Đó là mùa...</i> ở đầu các khổ thơ (1), (2), (3), (4). - Về nội dung: Gợi tả cụ thể, sinh động những nét đặc trưng rất riêng của mùa hè trong cảm nhận của nhà thơ. - Về nghệ thuật: Tăng tính nhạc điệu, tính biểu cảm, hấp dẫn cho bài thơ. - <i>Hướng dẫn chấm: trả lời đúng mỗi ý được 0,5 điểm</i>	1,0
	Câu 5	- HS có thể chọn một trong số các thông điệp và đưa ra lí giải hợp lí, thuyết phục: - Mùa hạ - mùa của tuổi trẻ, của đam mê và khát vọng lớn lao, cần cháy hết mình cho tuổi trẻ.	1,0

		- Sự sống là vĩnh hằng bất diệt khi biết cháy hết mình với những khát vọng của tuổi trẻ. - Sống có ý nghĩa thì mùa hạ vẫn mãi bên ta... - <i>Hướng dẫn chấm:</i> + <i>Chỉ ra được đặc điểm mùa hạ của thiên nhiên và mùa hạ (tuổi trẻ) của đời người được 0,5 điểm</i> + <i>Ý nghĩa của sự tương đồng được 0,5 điểm.</i> + <i>Học sinh trình bày trong một đoạn văn, có thể triển khai theo các kiểu đoạn văn diễn dịch, quy nạp, tổng phân hợp, móc xích, song hành.</i>	
II		PHẦN VIẾT	6,0
	Câu 1	Anh/chị hãy viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) cảm nhận về một vẻ đẹp bức tranh mùa hạ trong khổ thơ đầu bài thơ <i>Mùa hạ</i> của Xuân Quỳnh.	2,0
		<i>a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn</i> Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân - hợp, móc xích hoặc song hành. <i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</i> Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: vẻ đẹp bức tranh mùa hạ trong khổ thơ đầu bài thơ <i>Mùa hạ</i> của Xuân Quỳnh.	0,25 0,25
		<i>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận.</i> Xác định được các ý phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận, sau đây là một số gợi ý: - Bức tranh thiên nhiên mùa hạ tươi sáng, căng tràn sức sống mang đặc trưng của làng quê. - Mùa hạ còn là mùa mà những chặng đường mới được mở ra. Hình ảnh hoán dụ <i>bước chân người</i> gợi liên tưởng đến những bước chân tuổi trẻ mạnh mẽ, nhiệt huyết tiến lên khám phá và mở ra những con đường mới. => Đoạn thơ cũng là tiếng nói của tuổi trẻ lạc quan và khát vọng cống hiến. - Sắp xếp hệ thống ý hợp lý theo đặc điểm của kiểu đoạn văn.	0,5
		<i>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Lựa chọn các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận: vẻ đẹp của bức tranh mùa hạ. - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục.	0,5
		<i>đ. Diễn đạt</i> - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn	0,25

		<i>e. Sáng tạo:</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
	Câu 2	<i>Có thể chấp nhận thất bại nhưng nhất định không được chấp nhận buông xuôi.</i> Anh/chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) bàn về cách ứng xử đúng đắn khi đối diện với thất bại của những người trẻ tuổi.	4,0
		<i>a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài</i> Xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận xã hội	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: cách ứng xử đúng đắn khi đối diện với thất bại của những người trẻ tuổi.</i>	0,5
		<i>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận:</i> - Xác định được các ý chính của bài viết - Sắp xếp được các ý theo bố cục hợp lí ba phần của bài văn nghị luận: * Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề. * Triển khai vấn đề nghị luận: - Giải thích: Thất bại là trạng thái không đạt được kết quả như mình mong muốn. Buông xuôi là nản chí, không muốn cố gắng. Nhận định trên khẳng định châm ngôn sống cuộc đời có thể gặp thất bại nhưng nhất định không được nản chí, bỏ cuộc. - Bàn luận: + Người trẻ cần có nhận thức rõ rằng thất bại là một phần trong cuộc sống và nên chọn những cách ứng xử đúng đắn. + Biết đứng dậy sau mỗi thất bại, vấp ngã; quyết tâm, nỗ lực vượt qua; biết rút ra những bài học kinh nghiệm; biết lập kế hoạch cho hành trình mới sau mỗi thất bại... + Biết chia sẻ những cảm xúc tiêu cực với người khác, cân bằng cảm xúc cá nhân sau mỗi lần thất bại; luôn giữ tinh thần lạc quan, nhìn nhận vấn đề tích cực để không bị nhấn chìm trong sự bi quan, tiêu cực... - Mở rộng, trao đổi với quan điểm trái chiều hoặc ý kiến khác để có cái nhìn toàn diện,... * Khẳng định lại quan điểm cá nhân đã trình bày và rút ra bài học cho bản thân	1,0
		<i>d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Triển khai được ít nhất hai luận điểm để làm rõ quan điểm của cá nhân. - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề cần nghị luận.	1,5

		- Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng. Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	
		<i>đ. Diễn đạt</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.	0,25
		<i>e. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5